

Bản án số: **1285/2017/HNGĐ-ST**  
Ngày: 22/9/2017  
Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Ngọc Hương.  
Ông Huỳnh Phạm Dũng Phát.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 314/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 687/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2017; Giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1991 (Có đơn xin vắng mặt)  
Địa chỉ: Số A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:**

Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1996 (Có đơn xin vắng mặt)  
Địa chỉ: Hungary.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Hồng N tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 93 do Ủy ban nhân dân phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp

ngày 24/9/2016. Bà N đang du học tại Hung-ga-ri trong thời gian 03 năm từ năm 2015. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, khoảng cách về địa lý làm cho hai người dần xa cách, mâu thuẫn phát sinh do bất đồng ý kiến. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Hồng N.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Hồng N không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại đơn xin vắng mặt ngày 07/8/2017, đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hungary xác nhận chữ ký, bị đơn bà Nguyễn Hồng N trình bày:*

Bà xác nhận nội dung trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung là đúng. Thời điểm kết hôn bà đang du học tại Hungary, hai người thường xuyên liên lạc với nhau qua thư điện tử và điện thoại. Nhưng việc liên lạc giảm dần, cho đến nay vợ chồng sinh sống mỗi người một nơi nên mục đích hôn nhân không đạt được, bà cũng đã không còn tình cảm với ông H nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H. Đồng thời, bà xin vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án do việc học tập bận rộn, bà không thể sắp xếp thời gian trở về Việt Nam được.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Ngọc H không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cùng lời trình bày của đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Hồng N hiện đang cư trú tại Hungary. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên và bị đơn có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc

giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Trong vụ án này, các đương sự đã tự giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án; Bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Hồng N hiện đang định cư ở nước ngoài nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và không tiến hành thu thập chứng cứ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn và giấy chứng nhận kết hôn số 93 do Ủy ban nhân dân phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/9/2016, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc H với bà Nguyễn Hồng N được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật thừa nhận.

Theo trình bày của các đương sự thì cuộc sống hôn nhân giữa hai người chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, bà N đang du học ở Hungary còn ông H sinh sống tại Việt Nam. Cả nguyên và bị đơn đều xác nhận việc sống xa cách trong một thời gian dài làm cho tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hai người không thường xuyên liên lạc với nhau, không có điều kiện để chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ những vấn đề trong đời sống hôn nhân. Ông Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn và bà Nguyễn Hồng N đồng ý.

Xét thấy, ở giai đoạn hiện tại, cuộc sống chung vợ chồng giữa nguyên và bị đơn thực tế không có, mục đích hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Xuất phát từ yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn cũng đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho ông Nguyễn Ngọc H được ly hôn với bà Nguyễn Hồng N.

Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Hồng N đều trình bày không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Ngọc H được ly hôn với bà Nguyễn Hồng N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 93 do Ủy ban nhân dân phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/9/2016 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Các đương sự xác định không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số 0047010 ngày 26/6/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông H đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND phường D, Quận E, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tuấn**